TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 5 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lý Hồng T, sinh năm 1985 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Hồ Văn N, sinh năm 1980 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp MT, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn chị Lý Hồng T thể hiện:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Được sự thống nhất của thân tộc hai bên, vào năm 2005 chị T và anh Hồ Văn N tổ chức lễ thành hôn, không có đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian qua vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi những mâu thuẫn

phát sinh mà không tự giải quyết được. Vợ chồng có những quan điểm khác nhau, suy nghỉ trái chiều nhau, cách sống không phù hợp, hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị T xin được ly hôn với anh N.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, chị T và anh N có 01 người con chung tên Hồ Thạch T, sinh ngày 03/8/2006. Hiện cháu T đang sống chung với anh N. Khi ly hôn, chị T và anh N thỏa thuận, chị đồng ý giao cháu T cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi ý kiến trình bày ngày 05/4/2018 của bị đơn anh Hồ Văn N thể hiện:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh N và chị T kết hôn vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng có cự cải, anh N có đánh chị T hai bạt tay. Chị T đi làm từ ngày 13 hay 14/12/2017 âl, trong thời gian đi làm thì có tới lui, anh N không biết việc chị T gởi đơn tại Tòa án. Giữa anh N và chị T cũng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Từ trước đến nay, anh không có đánh chị T, ngoài lần đánh nêu trên nhưng do anh đi nhậu về vợ chồng cự cải nên nóng giận đánh chị T. Nay anh vẫn còn tình cảm với chị T, nên anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm lo cho con.

- *Về nuôi con chung*: Có 01 người con tên Hồ Thạch T, sinh ngày 03/8/2006, hiện cháu T đang sống chung với anh N. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn bảo lưu quan điểm, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Lý Hồng T, bị đơn anh Hồ Văn N là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Ngày 05/4/2018 anh Hồ Văn N có đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 2005, chị T và anh N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, theo điểm c mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, đồng thời theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, chị T và anh N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] *Xét yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Trong quá trình chung sống, chị T và anh N có 01 người con chung tên Hồ Thạch T, sinh ngày 03/8/2006. Hiện cháu T đang sống chung với anh N. Khi ly hôn, chị T và anh N tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. *Xét thấy*: Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu sau này giữa các đương sự có phát sinh tranh chấp về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] *Về chia tài sản và nợ*: Chị T và anh N xác định, về chia tài sản thì vợ chồng tự thỏa thuận, còn về nợ người khác và người khác nợ lại thì không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. *Xét thấy*: Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, nếu sau này giữa các đương sự có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình*:

- Anh N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lý Hồng T và anh Hồ Văn N là vợ chồng.

2. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

- Anh Hồ Văn N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Chị Lý Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền 300.000đ, ngày 08/3/2018 chị T có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ, biên lai số 0009623 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

3. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

(*đã ký*)

Trương Minh Thịnh